

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2022/DS-ST**
Ngày 07/01/2022
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Tấn Đầu**

Ông **Ngô Rạng Đông**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Văn Chung** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **81/2021/QĐXXST-DS** ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đỗ Tấn Th**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Đường PH, khu phố 2, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Vũ Hùng C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 100 Nguyễn Văn C, khu phố 3, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

Người làm chứng: Anh **Nguyễn Thành Tr**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th trình bày:

Vào ngày 14/10/2019 ông Vũ Hùng C có vay của ông Đỗ Tấn Th số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), việc ông C vay tiền của ông Th hai bên có làm biên nhận viết tay đề ngày 14/10/2019, có chữ ký của hai bên và còn có ông Nguyễn Thành Tr, thường trú địa chỉ tổ 6, khu phố 3, phường AT, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang là người làm chứng.

Ông Th xác nhận việc ông Th cho ông C vay tiền là từ nguồn tiền riêng của ông, không liên quan gì đến vợ ông và chỉ cho một mình ông C vay, cũng không liên quan vợ ông C hay người nào khác tham gia vào việc vay tiền.

Theo nội dung trong biên nhận ghi thời gian ông C phải trả lại tiền vay là trong 30 ngày là do ông C tự ghi, nhưng thật sự hai bên thỏa thuận bên ngoài là thì khi nào ông Th cần tiền thì nói với ông C để lấy lại số tiền cho vay, chứ không xác định cụ thể khoảng thời gian cho vay.

Về lãi suất mặc dù trong biên nhận không có ghi nhưng hai bên thỏa thuận bên ngoài là 4 triệu đồng/tháng, ông C cũng có đóng lãi cho ông được khoảng 06 tháng thì ngưng đóng lãi, còn việc ông C đóng lãi vào thời gian cụ thể như thế nào thì ông Th không nhớ chính xác.

Đến ngày 20/8/2020 ông Th yêu cầu ông C trả lại số tiền đã vay thì ông C xin được trả cho ông hàng tháng một ít, ông cũng đồng ý, nhưng đến tháng ông Th đến đòi tiền thì không liên lạc được với ông C vì ông C cố tình trốn tránh việc trả nợ.

Do đó, ông Th khởi kiện yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 20/8/2020 đến ngày 17/3/2021, số tiền lãi là 21.000.000 đồng.

Sau khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Th xác nhận ông C có trả cho ông được số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nợ gốc, chỉ còn nợ lại 160.000.000 đồng tiền gốc, nên ông Th xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là chỉ yêu cầu bị đơn ông Vũ Hùng C phải trả số tiền gốc còn nợ 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và không yêu cầu ông C phải trả tiền lãi.

Bị đơn ông Vũ Hùng C trình bày:

Trong quá trình tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến trước khi đưa vụ án ra xét xử, ông Vũ Hùng C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, ông C thừa nhận là vào ngày 14/10/2019, ông có hỏi vay của ông Đỗ Tấn Th số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và thống nhất với lời trình bày của ông Th về quá trình vay tiền, đóng lãi cho ông Th rồi ngưng, cũng như việc ông C vay tiền của ông Th chỉ có một mình ông C vay, không liên quan vợ ông hay người nhà của ông. Sau khi ông Th khởi kiện, ông

có tìm ông Th trả được số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) nợ gốc, chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

Nay ông đồng ý trả nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) cho ông Th nhưng xin được trả dần mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, do điều kiện kinh tế khó khăn chưa tìm được việc làm. Về tiền lãi đã đóng trước đây cho ông Th, ông C không yêu cầu Tòa án xem xét hay tính lại, do không nhớ rõ thời gian đóng lãi.

Người làm chứng ông Nguyễn Thành Tr trình bày: Ông vừa là bạn của ông Đỗ Tấn Th vừa là bạn của ông Vũ Hùng C, nên ông có biết và chứng kiến việc ông Đỗ Tấn Th có cho ông Vũ Hùng C vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào ngày 14/10/2019, ông Th có giao số tiền 200.000.000 đồng cho ông C tại nhà ông C, biên nhận giấy mượn tiền là do ông C viết, chữ ký và họ tên ghi trong biên nhận viết tay đề ngày 14/10/2019 với tư cách là người làm chứng đúng là của ông. Về thời gian trả nợ ghi trong biên nhận là 30 ngày nhưng sự thật là họ có thỏa thuận riêng bên ngoài hay không thì ông không biết, về lãi suất trong biên nhận không thể hiện, nên việc ông Th và ông C có thỏa thuận riêng lãi suất bên ngoài hay không thì ông cũng không nắm rõ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày nêu trên, không đồng ý với ý kiến của ông C về việc xin trả dần số nợ 160.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Thành Tr giữ nguyên ý kiến trình bày của ông.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký về cơ bản là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về những người tham gia tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử thì nguyên đơn đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đều có mặt và chấp hành nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng đã chấp hành quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo Điều 77 và Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa ông C thừa nhận có vay số tiền 200.000.000 đồng của ông Th, có làm giấy mượn tiền ngày 14/10/2019 và có ông Nguyễn Thành Tr chứng kiến, đến nay ông Th thừa nhận ông C có trả được 40.000.000

đồng nợ gốc, hiện còn nợ lại 160.000.000 đồng nợ gốc chưa trả. Do điều kiện kinh tế khó khăn chưa tìm được việc làm, nên ông C xin được trả dần hàng tháng cho ông Th số tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, nhưng không được ông Th đồng ý, nên không có cơ sở xem xét. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn ông C phải trả cho ông Th số tiền gốc còn nợ là 160.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Do nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất đối với số nợ gốc còn lại là 160.000.000 đồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn ông Vũ Hùng C có nơi cư trú tại địa bàn thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Vũ Hùng C phải trả cho ông Th số tiền vay 200.000.000 đồng và chịu mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 20/8/2020 đến ngày 17/3/2021 là 21.000.000 đồng, nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi.

[2] Về nội dung:

Ông Đỗ Tấn Th và ông Vũ Hùng C đều thống nhất xác nhận, do cả hai là bạn bè có quen biết nhau từ trước, nên vào ngày 14/10/2019 ông Th có cho ông C vay số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), việc vay tiền có làm biên nhận viết tay vào ngày 14/10/2019 với tiêu đề là “Giấy mượn tiền” do ông C tự viết, được hai bên ký và ghi rõ họ tên vào bên dưới giấy mượn tiền, có sự chứng kiến của ông Nguyễn Thành Tr với tư cách là người làm chứng. Mặc dù, trong nội dung giấy mượn tiền có ghi thời hạn trả tiền trong vòng 30 ngày, nhưng ông Th và ông C đều xác định việc cho vay là không xác định thời hạn,

mà thỏa thuận khi nào ông Th cần tiền thì nói cho ông C biết để ông C lo trả lại tiền cho ông Th, đồng thời trong biên nhận các bên không ghi rõ lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài, từ khi vay ông C có đóng lãi cho ông Th được 6 tháng tiền lãi, với mức lãi là 4.000.000 đồng/tháng, nhưng hai bên đều không nhớ rõ thời gian đóng lãi, đến ngày 20/8/2020 thì ông C ngưng trả tiền cho ông Th. Do đó, hợp đồng vay giữa hai bên được xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn và có thỏa thuận lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, nên bên vay là ông C phải có nghĩa vụ trả cho bên cho vay là ông Th số nợ gốc 200.000.000 đồng và phải trả lãi theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Th và ông C cùng thống nhất hiện nay ông C còn nợ ông Th số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, do sau khi ông Th khởi kiện được Tòa án thụ lý thì ông C có trả được cho ông Th số tiền gốc là 40.000.000 đồng. Do đó, ông Th chỉ yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả lại ông số nợ gốc 160.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với số nợ gốc, nên ông C không phải trả tiền lãi nữa. Ông C đồng ý và thống nhất thanh toán cho ông Th số tiền nợ gốc là 160.000.000 đồng, không yêu cầu tòa án tính lại số tiền lãi đã đóng trước đây cho ông Th, nhưng ông xin được trả dần nợ gốc 160.000.000 đồng mỗi tháng từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, do hoàn cảnh đang gặp khó khăn, không có khả năng trả nợ một lần. Tuy nhiên, đối với yêu cầu xin trả dần của ông C không được ông Th chấp nhận, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Vũ Hùng C phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là phù hợp với Điều 463, Điều 466 và Khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn ông Vũ Hùng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 229, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Vũ Hùng C.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th đối với số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi.

3. Buộc bị đơn ông Vũ Hùng C phải trả cho nguyên đơn ông Đỗ Tấn Th số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Vũ Hùng C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

- Hoàn trả lại ông Đỗ Tấn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.525.000 đồng (*Năm triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000181 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. PQ;
- CC. THADS TP. PQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhung